TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 116/2018/DS-PT Ngày 03 - 8 – 2018 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 191/2018/QĐ - PT ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo:

Bị đơn Huỳnh Thị M kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2017 của nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:* Bà L yêu cầu bị đơn Huỳnh Thị M trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và yêu cầu bà Huỳnh Thị M phải trả tiền lãi từ ngày 11/02/2014 đến ngày 11/4/2017 là 38 tháng, với mức lãi suất là 1,3%/tháng với số tiền lãi là 64.220.000đồng. Đồng thời yêu cầu bà M phải trả lãi phát sinh từ ngày 12/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,3%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà Võ Thị L yêu cầu bà Huỳnh Thị M phải trả tiền vốn là 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và yêu cầu bà M phải trả tiền lãi từ ngày 11/4/2013 đến ngày 11/8/2017 là 52 tháng, với mức lãi suất là 1%/tháng với số tiền lãi là 67.600.000đồng (Sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Bà L tự nguyện trừ số tiền lãi bà M đã đóng được 27.000.000đồng. Còn lại bà L yêu cầu bà M phải trả tiền lãi là 40.600.000đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi bà L yêu cầu bà M phải trả số tiền là 170.600.000 đồng. (Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn đồng)

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng cầm đồ ngày 27/02/2013 (âm lịch), giấy nhận nợ ngày 11/4/2013 (Bản chính) (BL 31, 32)

Căn cứ nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vốn là 130.000.000đồng, là do bị đơn bà M có vay của nguyên đơn bà L 02 lần: ngày 27/02/2013 (âm lịch) bà M vay của bà L số tiền là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng), đến ngày 11/4/2013 bà M tiếp tục vay của bà L số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), bị đơn bà Mười có ký tên nhận nợ ngày 27/02/2013 (âm lịch) và ngày 11/4/2013.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/7/2017 bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:* Bà M thừa nhận có vay của bà L 02 lần:

- Lần 1: Theo hợp đồng cầm đồ ngày 27/02/2013 (âm lịch) bà M có vay của bà L thêm 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng), nhưng số tiền này bà M đã trả cho bà L rồi, khi trả bà M không có làm giấy tờ, trả ngày nào bà M không nhớ. Do đó bà L yêu cầu trả số tiền vay 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) bà M không đồng ý.

- Lần 2: Ngày 11/4/2013 bà M có vay của bà L số tiền là 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng), số tiền này bà M đã trả được 27.000.000đồng tiền vốn và 21.000.000đồng tiền lãi. Do đó bà M chỉ đồng ý trả 63.000.000đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) tiền vốn, không đồng ý trả tiền lãi.

** Tại biên bản hòa giải ngày 06/9/2017 bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:* Bà M thừa nhận bà có vay của bà L số tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng), vay ngày nào bà không nhớ, khi vay có làm biên nhận, số tiền vay 40.000.000 đồng bà M đã trả rồi nhưng không nhớ ngày nào, khi trả bà M đã xé giấy nợ, còn hợp đồng cầm đồ ngày 27/02/2013 (âm lịch) mà bà L cung cấp cho Tòa án thể hiện bà M có mượn của bà L 40.000.000 đồng là không đúng, do bà L viết thêm vào, chữ ký chữ viết trong hợp đồng cầm đồ ngày 27/02/2013 âm lịch là của bà M, trong các nội dung thể hiện trong hợp đồng cầm đồ ngày 27/02/2013 (âm lịch) đều đúng hết, chỉ có phần ghi mượn 40.000.000đồng là không đúng.

- Ngày 11/4/2013 bà M thừa nhận có vay của bà L số tiền là 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng), có làm biên nhận. Đối với số tiền này bà M đã trả cho bà L được 27.000.000đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) tiền vốn, khi bà M trả tiền vốn mà bà L ghi toàn là tiền lãi và bà M đã trả được 31.800.000 đồng tiền lãi, khi trả tiền lãi không có giấy tờ gì hết. Như vậy đối với biên nhận này bà M chỉ còn thiếu bà L số tiền vốn là 63.000.000 đồng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà L, bà M chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền vốn là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), không đồng ý trả lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít xử, quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thị L số tiền là 170.600.000đồng. (Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn đồng); trong đó tiền vốn là 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 40.600.000đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/01/2018 bị đơn Huỳnh Thị M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và chỉ đồng ý trả số tiền vốn 63.000.000 đồng cho nguyên đơn và sửa tiền án phí mà Tòa tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng chỉ yêu cầu phía bà M trả số tiền vốn vay 90.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 11/4/2013. Phía bà M đồng ý trả cho bà L số tiền 90.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và lý do kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị M; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Xét thấy tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng và rút lại phần tính lãi, bị đơn và nguyên đơn đồng ý thỏa thuận bị đơn đồng ý trả lại số tiền vốn là 90.000.000 đồng cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn Võ Thị L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Huỳnh Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét đơn kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị M là còn trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị M yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và chỉ đồng ý trả số tiền vốn 63.000.000 đồng cho nguyên đơn và sửa tiền án phí mà Tòa tuyên. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Huỳnh Thị M không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

[3] Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 40.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này và hủy một phần bản án sơ thẩm số 60/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của phía nguyên đơn.

[4] Xét việc bà Loan yêu cầu bà M trả số tiền vay 90.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 11/4/2013 và không yêu cầu bà M trả lãi đối với số tiền nói trên và tại phiên tòa phúc thẩm phía bà M cũng đồng ý trả số tiền 90.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự là phía bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho phía bà Võ Thị L số tiền 90.000.000 đồng.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự: Do số tiền bà M trả cho bà L 90.000.000 đồng nên phần án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: 90.000.000 x 5% = 4.500.000 đồng. Phía bà M phải chịu số tiền án phí này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 299, Điều 300, Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị M. Sửa bản án bản án dân sự sơ thẩm số 60/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 60/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị L đối với số tiền 40.000.000 đồng.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1/ Về nội dung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Bị đơn bà Huỳnh Thị M đồng ý và có trách nhiệm trả nguyên đơn Võ Thị L số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

2/ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Huỳnh Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn bà Võ Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.855.500 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0005581, ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn Huỳnh Thị M không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn Huỳnh Thị M số tiền 300.000 đồng đã nộp vào ngày 04/01/2018 theo lai thu số 0006247 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- TAND HMT:01b;
- CC THADS HMT: 01b;
- Các đs: 02b;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Minh Tâm